



Ký bởi **TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO**
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
PHÚ THỌ

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ BÌNH XUYỀN

(Kèm theo Nghị quyết số: 85 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ
1	Từ TL 302 đi qua Tam Lộng đến hết địa phận xã Bình Xuyên			3.400	1.400	1.100	2.200	1.300	700	1.900	1.000	600	32	290	29	31
2	Từ TL 302 đi qua khu tái định cư Chùa Tiêng đến KCN Khai Quang			5.000	1.400	1.100	4.400	1.400	700	3.300	1.100	600	46	872	47	56
3	TL 302 từ trường Cao đẳng CK NN đến ngã 3 đường rẽ vào Nông trường Tam Đảo			6.500	3.400	1.200	4.200	3.000	800	3.200	2.300	600				
4	Từ ngã ba dịch vụ đến đường 310 hết địa phận xã Bình Xuyên			11.000	5.300	4.000	3.200	1.500	1.300	2.400	1.100	1.000				
5	Tỉnh lộ 310 (Đại Lải - Đạo Tú)	Đoạn thuộc địa phận xã Thiện Kế đến giáp xã Bá Hiến		6.800	2.800	1.200	5.000	2.800	900	3.700	2.100	600	21	45	27	39
		Các thửa đất khu TĐC đường 310 (không bao gồm các thửa đất tiếp giáp đường 310)		5.800			4.600			3.500						
		Từ điểm giáp địa phận xã Tam Đảo đến cầu suối		5.300	2.700	1.100	3.900	2.300	800	2.900	1.100	700				
		Đoạn từ cây xăng Thanh Tùng đến Cầu sắt		4.500	2.300	1.500	3.100	1.900	1.200	2.300	1.100	900	49	198; 763	50	141; 167
6	Khu tái định cư số 1 đường 310 (thuộc thôn Gia Du)	Các thửa đất tiếp giáp đường 310		10.400			7.300			5.100						
		Các thửa đất còn lại không tiếp giáp đường 310		5.800			4.100			2.900						
7	Khu tái định cư số 2 đường 310 (thuộc thôn Sơn Bi)	Các thửa đất tiếp giáp đường 310		10.400			7.300			5.100						
		Các thửa đất còn lại không tiếp giáp đường 310		5.800			4.100			2.900						
8	Đoạn nối từ đường ĐT310 đi Thanh Xuân đến cầu Công Nông Bình			4.000	3.000	2.000	2.800	2.100	1.400	2.000	1.500	1.000	25	97;61	15	1
9	Đường TL 302B (đoạn qua trường THCS Thiện Kế đến hết địa phận xã Bình Xuyên)			4.000	2.000	1.200	2.800	1.400	800	2.000	1.000	600				
10	Khu quy hoạch Rộc trạm xá, thôn Cỏ Độ (không bao gồm các thửa đất tiếp giáp đường 302)			4.000			2.800			2.000						
11	Khu quy hoạch Chợ Mới, thôn Tân Hà (không bao gồm các thửa đất tiếp giáp đường 302)			5.800			4.100			2.900						
12	Khu quy hoạch Thiết chế văn hóa, thôn Xuân Quang (không bao gồm các thửa đất tiếp giáp đường TL 302)			5.800			4.100			2.900						
13	Tuyến đường trục chính thôn Trại Mới đến đường TL 302			3.500	3.000	1.200	2.500	2.100	800	1.800	1.500	600	56	403;255	53	373;351
14	Tỉnh lộ 302C	Đoạn từ Ngã 3 cổng chợ Quang Hà (cũ) đến nhà ông Giới - thôn Quang Hà		6.000	2.500	2.000	4.200	1.800	1.400	2.900	1.300	1.000				
		Đoạn từ nhà ông Giới đến cầu Hoàng Oanh		5.600	2.500	2.000	3.900	1.800	1.400	2.700	1.300	1.000				
		Đoạn từ cầu Hoàng Oanh đến phường Vĩnh Phúc hết địa phận xã Bình Xuyên		4.200	1.500	1.000	2.400	1.200	700	1.800	900	600				
15	Đoạn từ đèn đỏ thôn Châu Sơn lối rẽ trường học qua trạm xá Hương Sơn đến nhà bà Thảo (Sân bóng Hoàng Oanh)			2.000	1.200	1.000	1.400	900	700	1.100	700	600				
16	Đường Tôn Đức Thắng đoạn qua địa phận xã Bình Xuyên			12.000	6.700	2.000	8.400	4.500	1.900	5.500	3.000	1.500				
17	Khu tái định cư, dịch vụ, giãn dân, đầu giá thôn Tam Lộng	Các thửa đất tiếp giáp mặt Đường Tôn Đức Thắng		12.000			9.600			7.200						
		Các thửa đất còn lại (không tiếp giáp đường có tên)		6.700			5.000			3.700						
18	Các ô còn lại của khu đất quy hoạch kho KT 887			2.500			1.300			1.000						
19	Trục chính thôn Thiểu Khanh đoạn từ nhà ông Điều đến nhà ông Cận			2.000	1.200	900	1.400	800	600	1.000	600	400	40	168	44	26
20	Trục chính thôn Ba Mỏ đoạn từ Cổng làng Ba Mỏ đến Nhà ông Kiên Hồng			2.000	1.200	900	1.400	800	600	1.000	600	400	41	643	44	67
21	Trục chính thôn Chùa Tiêng đoạn từ Nhà bà Thủy Phương đến Sân bóng thôn Chùa Tiêng			2.000	1.200	900	1.400	800	600	1.000	600	400	45	391	44	350
22	Trục chính thôn Chân Sơn đoạn từ Cổng làng Chân Sơn đến nhà bà Khánh Gấm			2.000	1.200	900	1.400	800	600	1.000	600	400	27	383	30	501
23	Trục chính thôn Chân Sơn đoạn từ Ngã 3 nhà bà Thu đến Sân bóng Chân Sơn			1.500	900	800	1.100	600	600	800	400	400	27	517	26	29
24	Đường từ vòng xuyên Tôn Đức Thắng - Nguyễn Tất Thành đến ngã ba thôn Hương Đà điểm nối TL 310			5.500	2.100	1.100	1.600	900	800	1.200	600	600	38	226	22	102
25	Đường từ Nguyễn Tất Thành đến hết NVH thôn Rừng Sấm (NVH cũ)			4.000	2.000	1.200	3.500	1.400	900	2.600	900	700				
26	Đường từ Nhà ông Lưu thôn Quang Khai - đến nhà ông Bán thôn Ngủ Hồ			3.500	2.000	1.200	2.400	1.600	900	1.800	1.000	700	40	857	16	510
27	Đường nối Tôn Đức Thắng đi thôn Gò Dầu			2.700	1.600	950	1.800	1.200	900	1.500	100	700	49	45	62	373
28	Khu tái định cư Gò Cao + Khu dịch vụ Gò Cao Quảng Thiện. (không bao gồm các thửa đất tiếp giáp đường có tên)			4.600			4.000			3.000						
29	Khu dân cư giáp ranh đường vành đai khu TĐC Gò Cao Thiện Kế			4.000			2.600			2.000						
30	Khu đất đầu giá, giãn dân, tái định cư trước cổng Trường THCS Thiện Kế	Các ô đất từ A1 đến A25		4.000			2.500			1.800						
		Các ô đất còn lại không tiếp giáp đường có tên		2.000			1.200			900						
31	Khu đất giãn dân tại khu TĐC phục vụ GPMB KCN Thăng Long Vĩnh Phúc (giai đoạn I và II) (không bao gồm các ô tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng)			8.000			7.300			5.400						

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ
32	Khu TDC phục vụ GPMB KCN Bá Thiện II (Giai đoạn 1) (không bao gồm các ô tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng)			6.800			4.100			2.800						
33	Khu đất đầu giá Rừng Sấm 1			3.000			2.000			1.500						
34	Khu đất đầu giá Rừng Sấm 2			3.000			2.000			1.500						
35	Đường từ đường Nguyễn Tất Thành qua thôn Vĩnh Phượng đến thôn Hữu Bằng xã Bình Nguyên			3.000	1.800	950	2.100	1.300	700	1.500	900	500	49	515	63	725
36	Đường từ ngã 4 đến hết Nhà máy Z192 hết địa phận xã Bình Xuyên			4.300	3.300	2.500	3.000	2.300	1.800	2.100	1.600	1.300	25	138;122	25	37
37	Đường Sơn Bi đi Lưu Quang đến hết địa phận xã Bình Xuyên			3.000	2.000	1.500	1.900	1.500	1.000	1.400	900	700	25	920	6	2;5
38	Đường từ ngã 3 cửa hàng dịch vụ đi xã Tam Đảo hết địa phận xã Bình Xuyên			6.300			4.400			3.300			38	228	38	17
39	Khu Đồng Đồ Bàn, Cầu Máng (không bao gồm các thửa đất tiếp giáp đường 302)			5.800			5.100			3.800						
40	Khu quy hoạch chợ cũ thôn Tân Hà			5.800			4.100			2.900						
41	Đường trục chính đoạn từ nhà ông Đạt thôn Quang Hà đến thôn Xuân Quang			3.400	1.500	1.200	2.400	1.100	800	1.700	800	600				
42	Đoạn từ Ngã 3 dịch vụ đến cổng thôn Cơ quan (Nông trường Tam Đảo cũ)			5.000	2.000	1.400	3.500	1.400	1.000	2.500	1.000	700				
43	Khu NOXH thôn Quảng Khai (dự án NOXH xã Thiện Kế cũ)			8.000			5.600			3.900						
44	Khu TĐC, đầu giá QSD đất thôn Hương Đà (mới)			4.000	2.000		2.800			2.000						
45	Khu TĐC, đầu giá QSD đất phục vụ đường kết nối vòng xuyên Tôn Đức Thắng đến TL 310			6.000	2.500		4.200			2.900						
46	Từ ngã 3 nhà ông Hòa Hường qua NVH Hoàng Oanh đến nhà ông Quân Mơ (thôn Hoàng Oanh)			1.200	900		800			600						
47	Từ ngã 3 nhà ông Thanh Tiến (thôn Hoàng Oanh) đến nhà bà Nhật (khu Cát Sỏi)			1.200	900		800			600						
48	Từ ngã 3 nhà ông Đoán đến nhà ông Hào Hạnh (thôn Hương Ngọc)			1.200	900		800			600						
49	Từ sân bóng thôn Chân Sơn đến nhà ông Hùng Hồng (thôn Hương Vị)			1.200	900		800			600						
50	Từ TL 302 đến cổng làng thôn Thiểu Khanh			2.000	1.200	900	1.400			1.000						
51	Từ ngã 3 nhà ông Tạo đến nhà ông Tiến Nguyên (thôn Cầu Đá)			2.000	1.200	900	1.400			1.000						
52	Từ hết đất nhà ông Tiến Nguyên đến nhà ông Bắc Thủy (thôn Cầu Đá)			1.200	900		800			600						